

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày: 11/10/2023.
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 187/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ X (M)**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Diễm C – Công ty TNHH MTV N1 – Đoàn Luật sư tỉnh B (Có mặt).

Địa chỉ: A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoài H (H1)**, sinh năm 1983 (Có mặt).

ĐKTT: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Anh Hữu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11/9/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/5/2023, bản tự khai ngày 24/7/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày như sau:*

Từ năm 2021, chị có mua khô cá, mực thông qua anh H, anh H đã nhận tiền nhưng không giao hàng về cho chị và anh H cũng đã mượn tiền của chị không đến nay không trả, cụ thể:

Lần 01: Ngày 27/3/2023, chị có chuyển khoản cho anh H 02 lần tiền, lần 01 số tiền là 499.900.000 đồng, lần 02 với số tiền là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 699.900.000 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) để anh H đi nhận hàng. Anh H đã nhận tiền nhưng không nhận hàng cho chị và cũng không trả lại tiền cho chị nên còn nợ lại chị số tiền 699.900.000 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Lần 02: Ngày 06/4/2023, anh H mượn của chị số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để cọc tiền mua xe mô tô, số tiền này chị đã chuyển khoản cho bên bán xe cho anh H là Công ty cổ phần B. Đến nay anh H chưa trả nên còn nợ lại chị số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Lần 03: Ngày 11/4/2023, anh H đi mua hàng cho chị, anh H yêu cầu chị chuyển khoản cho bà Lục Thị A để mua hàng 02 lần tiền, lần 01 là 499.900.000 đồng, lần 02 là 152.500.000 đồng, tổng số tiền là 652.400.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) để anh H đi nhận hàng. Anh H không giao hàng cho chị và cũng không trả lại tiền cho chị nên còn nợ lại chị số tiền 652.400.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần 04: Ngày 19/4/2023, anh H yêu cầu chị chuyển khoản tiền cho ông Trần Công H2 số tiền là 291.000.000 đồng để anh H nhận hàng. Chị đã chuyển khoản để anh H đi nhận hàng nhưng anh H không giao hàng cho chị và cũng không trả lại tiền cho chị nên còn nợ lại chị số tiền 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng).

Lần 05: Ngày 20/4/2023 anh H đi nhận lô hàng cho chị từ bà Lê Thị N, số tiền lô hàng là 524.210.000 đồng, anh H giao cho bà N số tiền 424.210.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là tiền của chị đã ứng trước cho bà N. Sau đó, anh Hận g lại hàng cho chị và thanh toán lại với chị số tiền 524.210.000 đồng, vậy

đơn hàng này anh H còn nợ chị số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) (là tiền chị ứng trước cho bà N).

Tổng số tiền anh H đang còn nợ của chị X từ ngày 27/3/2023 đến ngày 20/4/2023 là 1.843.300.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Anh H cũng đã trả cho chị một số tiền, cụ thể:

Lần 01: Ngày 18/4/2023, anh H trả hàng cho chị tương ứng với số tiền 209.660.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Lần 02: Ngày 20/4/2023, anh H trả hàng cho chị tương ứng với số tiền 524.210.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Lần 03: Ngày 29/4/2023, anh H trả hàng cho chị tương ứng với số tiền 84.713.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).

Lần 04: Trước đó, anh Nguyễn Hữu T là em ruột của chị có nợ anh H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) nên chị căn trừ 500.000.000 đồng vào số tiền của anh H nợ của chị.

Tổng cộng số tiền mà anh H trả hàng và trả tiền cho chị là: 1.318.583.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Sau khi căn trừ tiền anh H còn nợ của chị và tiền anh H đã trả của chị, anh H còn nợ chị số tiền là: 1.843.300.000 đồng – 1.318.583.000 đồng = 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Chị đã nhiều lần yêu cầu anh H trả số tiền lại cho chị nhưng anh H không trả. Do đó, chị Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hoài H trả cho chị số tiền còn nợ là 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng) và tiền lãi từ ngày 30/4/2023 đến ngày 30/5/2023, lãi suất 10%/năm, tạm tính là 4.372.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, chị X rút yêu cầu tính lãi số tiền trên, chỉ yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Hoài H trả cho chị số tiền còn nợ là 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

**** Theo biên bản làm việc ngày 24/7/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Hoài H có ý kiến như sau:***

Anh thừa nhận có giao dịch với chị X từ năm 2021. Anh có nhận tiền để đi lấy hàng cho chị X, tiền thanh toán của mỗi đơn hàng có tiền công của anh trong đó. Sau khi nhận tiền và giao hàng, hai bên sẽ xác nhận thông qua tin nhắn với nhau, anh cũng đồng ý một số khoản tiền của chị X trình bày và có ý kiến như sau:

Lần 01: Đối với số tiền ngày 27/3/2023, chị X có chuyển khoản cho anh 02 lần tiền, lần 01 là 499.900.000 đồng, lần 02 là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 699.900.000 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm đồng) để anh đi nhận hàng. Anh thừa nhận còn nợ chị X số tiền 699.900.000 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu chín trăm đồng).

Lần 02: Đối với số tiền ngày 06/4/2023, anh có mượn của chị X số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để cọc tiền mua xe mô tô, số tiền này chị X đã chuyển khoản cho bên bán xe là Công ty cổ phần B. Anh thừa nhận còn nợ chị X số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Lần 03: Đối với số tiền ngày 11/4/2023, anh đi mua hàng cho chị X, anh yêu cầu chị X chuyển khoản cho bà Lục Thị A để mua hàng 02 lần tiền, lần 01 số tiền là 499.900.000 đồng, lần 02 số tiền là 152.500.000 đồng, tổng số tiền là 652.400.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Đối với số hàng này, anh đã nhận hàng từ bà Lục Thị A và có giao hàng cho chị X, chị X kiện anh thì anh không đồng ý vì anh đã giao hàng rồi. Anh có chứng cứ là phiếu giao hàng nhưng bị hư điện thoại nên không cung cấp được cho Tòa án.

Lần 04: Đối với số tiền ngày 19/4/2023, chị X chuyển khoản tiền cho ông Trần Công H2 số tiền là 291.000.000 đồng để anh nhận hàng nhưng anh chưa giao chị X. Anh thừa nhận còn nợ chị X số tiền là 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng).

Lần 05: Đối với số tiền ngày 20/4/2023, anh đi nhận lô hàng cho chị X từ bà Lê Thị N, số tiền lô hàng là 524.210.000 đồng, anh giao cho bà N số tiền 424.210.000 đồng, còn 100.000.000 đồng là tiền của chị X đã ứng cho bà N trước đó. Anh nhận lô hàng và về tính tiền với chị X số tiền 524.210.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 24/7/2023, anh có thừa nhận còn nợ chị X số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nhưng nay anh không thừa nhận do anh quên, không nhớ rõ nên mới thừa nhận.

Ngoài ra, anh cũng đã trả cho chị X một số tiền, cụ thể:

Lần 01: Ngày 18/4/2023, anh trả cho chị X số tiền 209.660.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Lần 02: Ngày 20/4/2023, anh trả cho chị X số tiền 524.210.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Lần 03: Ngày 29/4/2023 anh trả cho chị X số tiền 84.713.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).

Lần 04: Anh Nguyễn Hữu T là em ruột của chị X có nợ anh số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), anh đồng ý cân trừ số tiền này vào nợ cho chị X.

Chị X khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền là 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng) thì anh không đồng ý vì khoản tiền ngày 11/4/2023, của đơn hàng mua cá bà Lục Thị A, anh đã giao cho chị X rồi và đơn hàng ngày 20/4/2023 của bà Lê Thị N anh cũng không có thiếu chị X số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ngoài ra, anh không còn yêu cầu hay ý kiến gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2023 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T có ý kiến như sau:*

Trước đây, khoảng tháng 10/2022 âm lịch do có quen biết với nhau nên anh có mượn anh H số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để xây nhà cho mẹ anh tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Việc vay tiền không lập văn bản hay làm giấy tờ, việc vay này cũng không có thời hạn, không có lãi suất. Sau khi mượn tiền xong thì anh xây nhà cho mẹ đến tháng 02/2023 âm lịch thì nhà xây xong. Khoảng tháng 3/2023 âm lịch, giữa chị X và anh H phát sinh mâu thuẫn với nhau nên thì anh H có đòi lại số tiền này. Chị ruột của anh là chị Nguyễn Thị Mỹ X có đồng ý cản trừ số tiền 500.000.000 đồng này giữa anh và anh H qua số nợ của chị X với anh H. Việc thỏa thuận này giữa anh, anh H và chị X có thỏa thuận miệng và gặp mặt nhau chứ cũng không có lập văn bản, giấy tờ gì cả. Do đó, hiện nay giữa anh T và anh Nguyễn Hoài H không còn nợ khoản tiền nào nữa.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thị Diễm C có ý kiến:*

Đối với khoản tiền ngày 11/4/2023, đơn hàng của bà Lục Thị A, phía bị đơn anh Nguyễn Hoài H thừa nhận có nhận tiền của chị X và đã nhận hàng của bà Lục Thị A, hai bên đã chốt số tiền này (bút lục 56 – 58), anh H cho rằng đã giao số hàng này cho chị X nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh dù Tòa án đã có yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ. Đối với khoản tiền ngày 20/4/2023, đơn hàng của bà Lê Thị N, anh H cho rằng mình không nợ và không nhớ dù ngày 24/7/2023 tại phiên làm việc ở Tòa án anh H đã thừa nhận có nợ là không có cơ sở. Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể*

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ X đối với anh Nguyễn Hoài H về “tranh chấp đòi tài sản”. Buộc anh Nguyễn Hoài H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ X số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Đình chỉ yêu cầu tính lãi của chị Nguyễn Thị Mỹ X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoài H trả lại số tiền của chị. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hoài H có đăng ký tạm trú tại khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên Tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ X xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Hoài H đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng), tạm tính từ ngày 30/4/2023 đến ngày 30/5/2023 là 4.372.000 đồng, yêu cầu tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét thấy, việc rút yêu cầu tính lãi suất của chị Nguyễn Thị Mỹ X là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị X về việc tính lãi số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

- Về nội dung vụ án:

[4] Chị Nguyễn Thị Mỹ X khởi kiện đòi anh Nguyễn Hoài H trả lại số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng). Căn cứ khởi kiện là các phiếu thông tin chuyển khoản tiền ngân hàng và tin nhắn xác nhận nợ giữa chị X và anh H (bút lục 65 đến 101).

Thấy rằng, giữa anh H và chị X có quan hệ làm ăn với nhau. Cách thức giao dịch là chị X mua khô cá của người khác, chị X chuyển khoản thanh toán, anh H đi nhận hàng và giao hàng về cho chị thì hai bên thanh toán theo khối lượng hàng giao về. Số tiền của mỗi đơn hàng đã có tính tiền hoa hồng cho anh H. Các bên xác nhận việc giao nhận hàng bằng tin nhắn với nhau.

Đối với khoản tiền mua hàng và mượn nợ vào những ngày 27/3/2023, ngày 06/4/2023, ngày 19/4/2023 anh H đều thừa nhận có nợ chị X và các khoản tiền ngày 18/4/2023, ngày 20/4/2023, ngày 29/4/2023 cùng khoản tiền nợ của anh T thì chị X cũng thừa nhận anh H đã trả các khoản tiền này. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện mà các bên đều thừa nhận, thống nhất nên đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với đơn hàng của ngày 11/4/2023, của việc mua cá bà Lục Thị A, chị X, anh H đều thống nhất việc chị X đã chuyển khoản thanh toán cho bà Lục Thị A (bút lục 56 – 58, 80 - 81). Tuy nhiên, chị X cho rằng anh H chưa giao hàng cho chị, còn anh H thì cho rằng anh đã giao hàng cho chị rồi.

Thấy rằng, sau khi giao hàng, các bên sẽ xác nhận việc giao nhận hàng hóa bằng tin nhắn để thanh toán với nhau. Anh H cho rằng đã giao hàng cho chị X nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao hàng cho chị X. Tại biên bản làm việc ngày 24/7/2023, anh H cho rằng mình có nhân chứng và chứng cứ cho việc này, sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Ngày 24/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã có Quyết định số: 166/2023/QĐGNTLCC về việc yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ, yêu cầu anh Nguyễn Hoài H cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã giao đơn hàng của bà Lục Thị A cho chị

X. Tuy nhiên đến nay, anh H vẫn không cung cấp được. Từ đó, có cơ sở xác định việc anh H đã nhận hàng của bà Lục Thị A theo đơn hàng ngày 11/4/2023 nhưng chưa giao hàng cho chị X.

[6] Đối với đơn hàng ngày 20/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị X và anh H thống nhất đơn hàng này với số tiền là 524.210.000 đồng, anh H chỉ thanh toán cho bà Lê Thị N số tiền 424.000.000 đồng qua việc chuyển khoản (bút lục 75). Sau khi nhận hàng này về, anh H thanh toán với chị X số tiền 524.210.000 đồng. Chị X đã tạm ứng trước số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà N. Do đó, anh H còn nợ chị X số tiền 100.210.000 đồng (Một trăm triệu đồng hai trăm mười nghìn đồng). Tuy nhiên, tại đơn hàng ngày 20/4/2023, chị X chỉ khởi kiện và yêu cầu anh H trả số tiền 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa, anh H không thừa nhận còn nợ số tiền trên và cho rằng tại buổi làm việc ngày 24/7/2023 do anh quên nên mới thừa nhận có nợ số tiền 100.000.000 đồng tại đơn hàng này là không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy, yêu cầu khởi kiện “tranh chấp đòi tài sản” của chị Nguyễn Thị Mỹ X đối với anh Nguyễn Hoài H với số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận và rút yêu cầu tính lãi nên chị Nguyễn Thị Mỹ X không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nguyễn Hoài H phải chịu án phí theo quy định, cụ thể:

524.717.000 đồng = 20.000.000 đồng + 124.717.000 đồng x 4% = 24.989.700 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ X đối với anh Nguyễn Hoài H về việc yêu cầu tính lãi số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ X đối với anh Nguyễn Hoài H về việc “tranh chấp đòi tài sản”.

3. Buộc anh Nguyễn Hoài H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ X số tiền 524.717.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc anh Nguyễn Hoài H phải chịu số tiền án phí là 24.989.700 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

H3 lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền án phí đã nộp 12.494.340 đồng (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004998 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ X, anh Nguyễn Hoài H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ